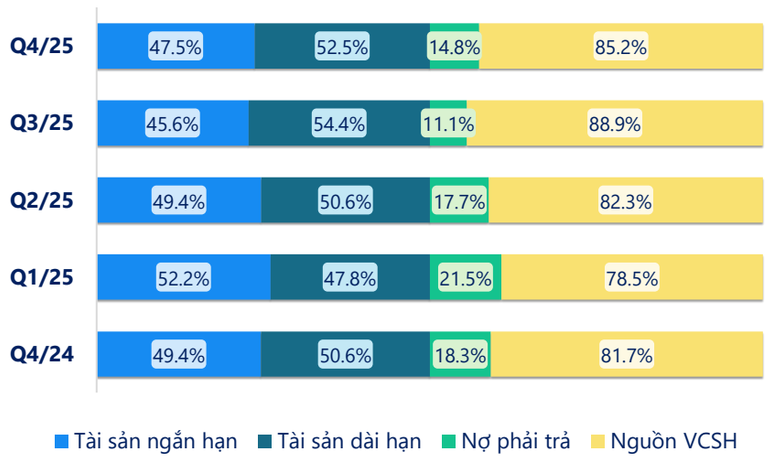
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,860
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,199
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,626
SL cổ phiếu LH	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	152,915
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,161
P/E	18.6
EPS	530

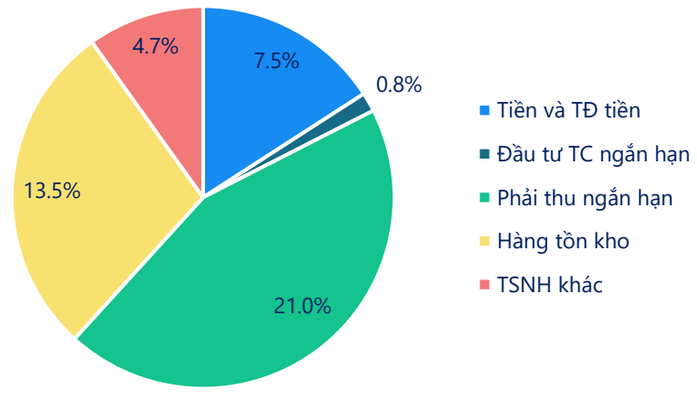
	YTD	1T	3T	6T
PPC	-7.2%	-1.9%	-2.9%	-10.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



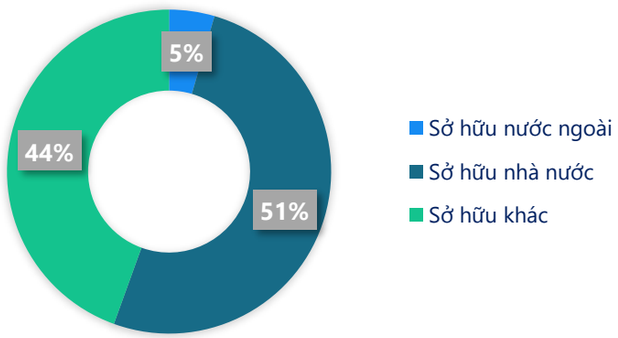
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



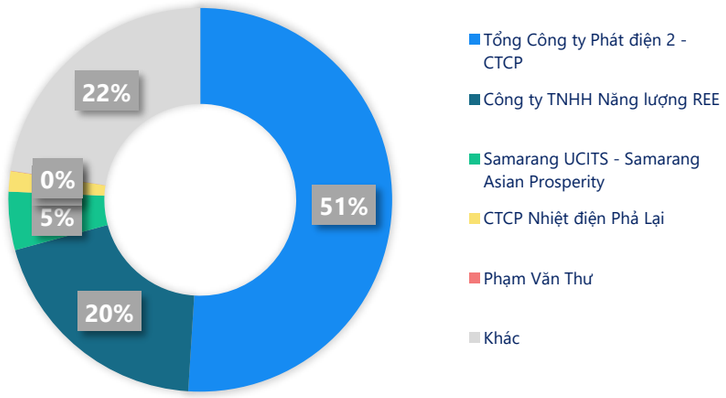
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



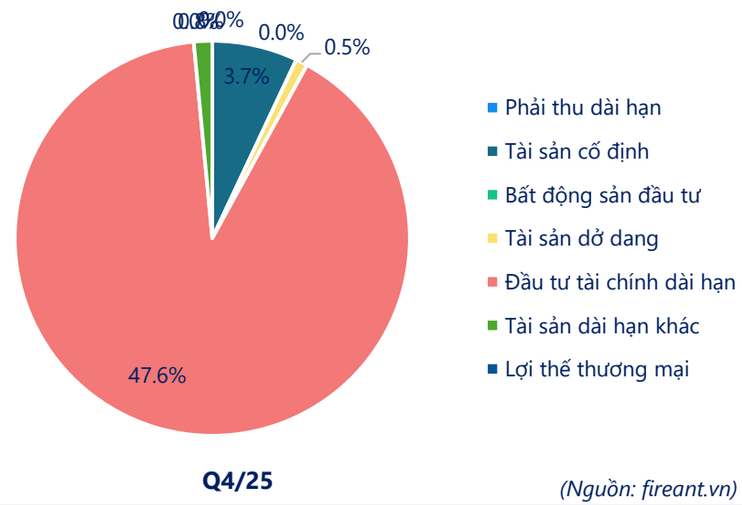
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

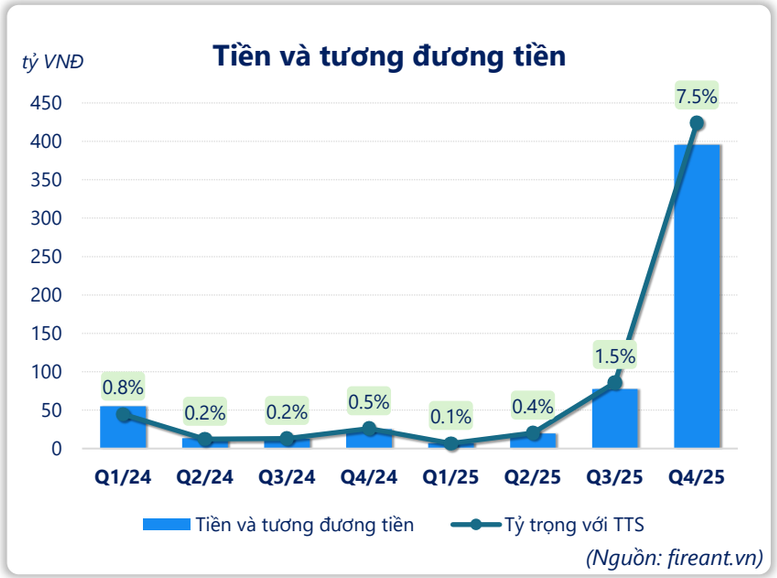
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



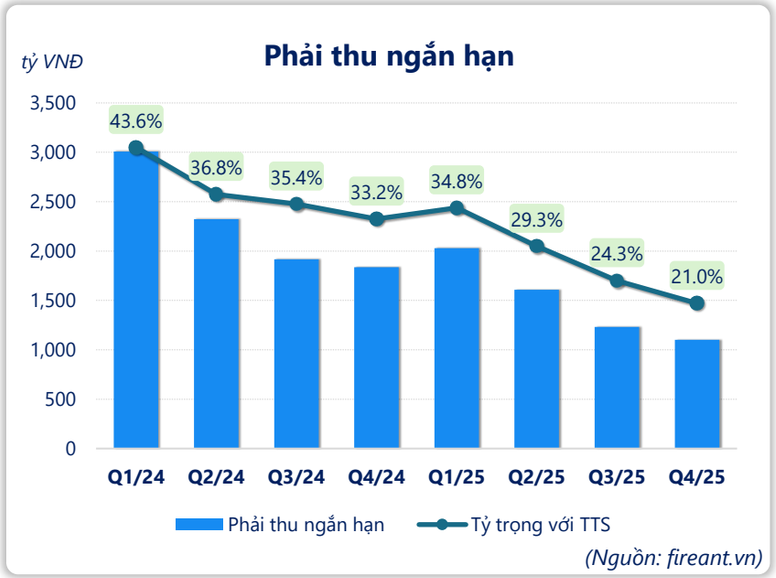
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

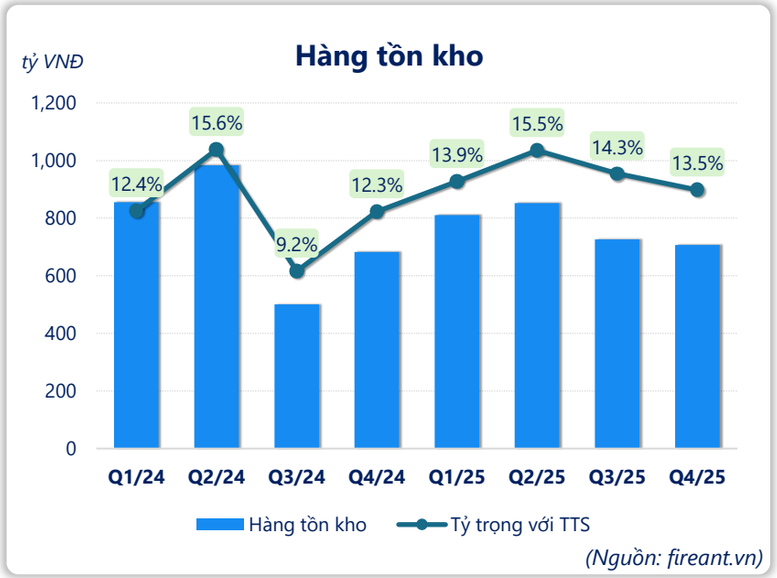
CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)



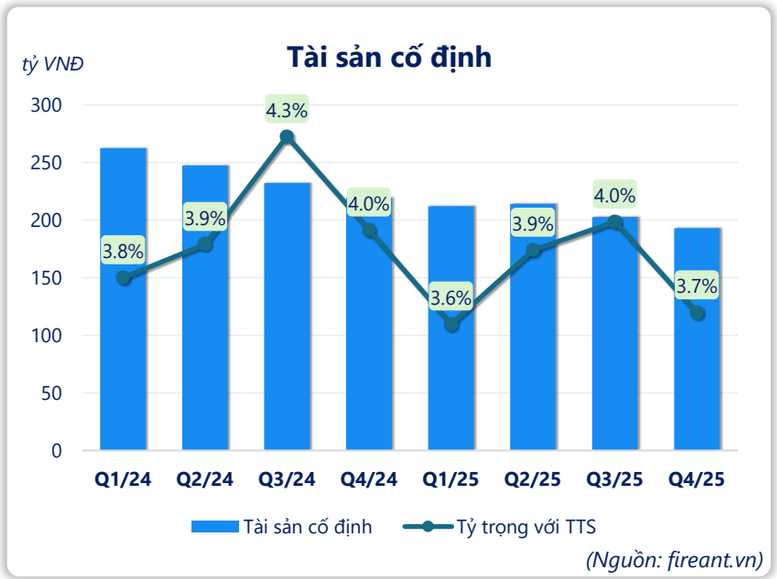
(Nguồn: fireant.vn)



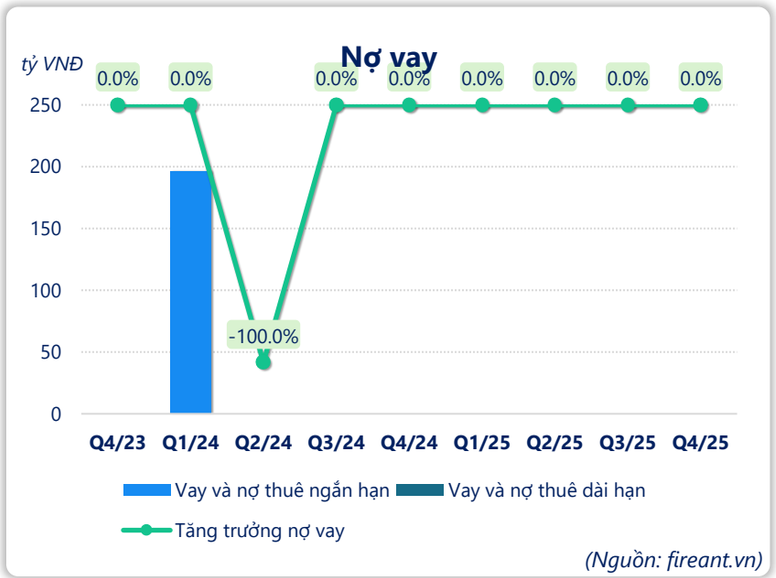
(Nguồn: fireant.vn)



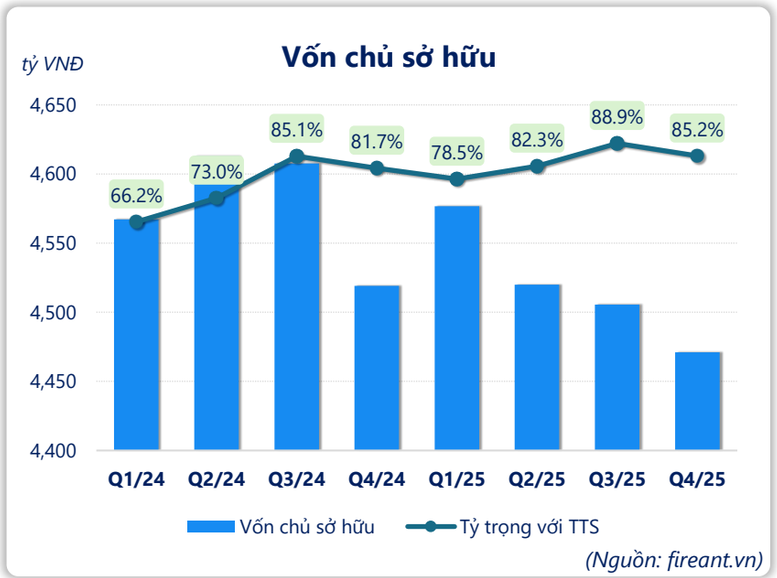
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

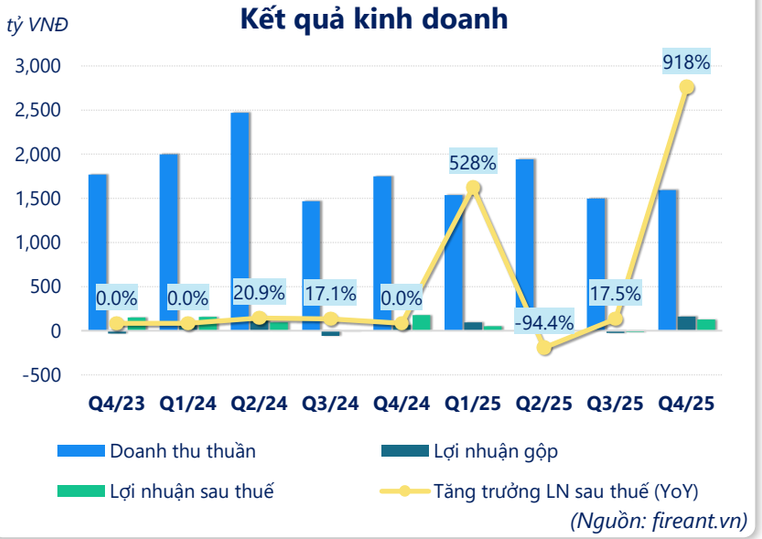


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

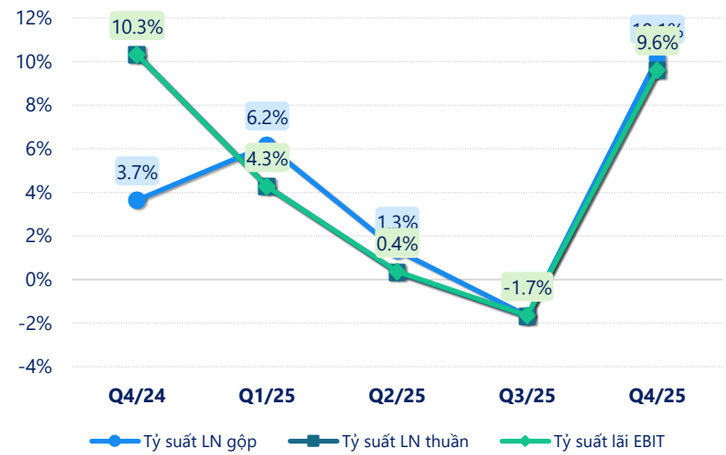
CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Kết quả kinh doanh



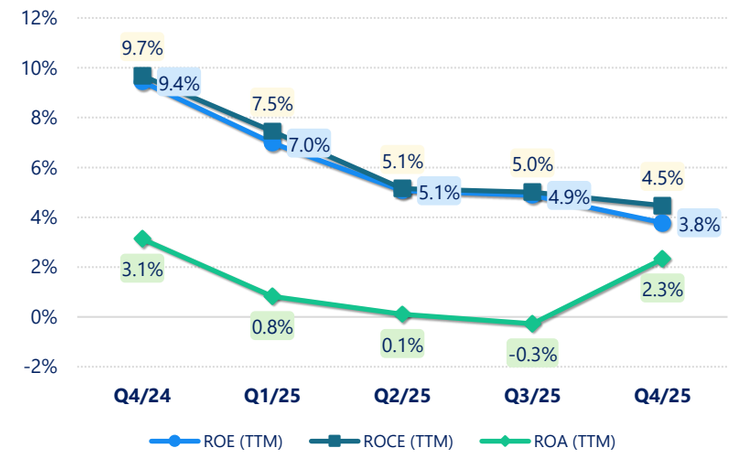
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



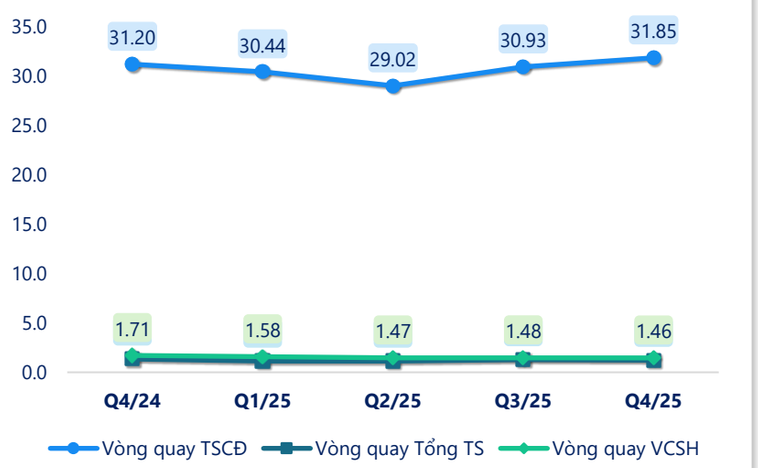
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



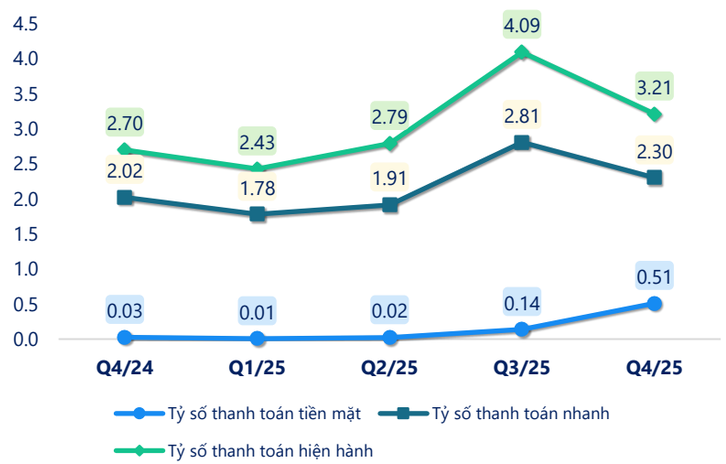
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



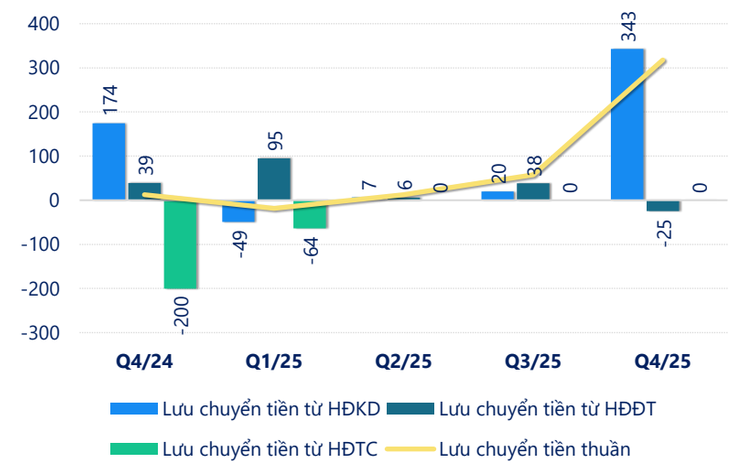
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,246**	**5,534**	**-5.2%**
Tài sản ngắn hạn	2,490	2,730	-8.8%
Tiền và tương đương tiền	395	25.5	1453%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,102	1,838	-40.0%
Hàng tồn kho	707	682	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	246	185	33.2%
Tài sản dài hạn	**2,756**	**2,803**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	193	219	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.5	25.9	2.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,495	2,497	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**41.4**	**60.5**	**-31.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	775	1,009	-23.2%
Nợ ngắn hạn	**775**	**1,009**	**-23.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	664	799	-16.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,471**	**4,524**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**4,471**	**4,524**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,750	1,536	1,940	1,497	1,593
Giá vốn hàng bán	1,686	1,441	1,914	1,522	1,431
Lợi nhuận gộp	63.9	94.7	25.9	-25.0	162
Doanh thu HĐTC	167	0.02	2.28	27.8	16.4
Chi phí TC	1.25	0	0.04	0.70	1.30
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	49.3	29.1	21.9	27.2	23.6
LN thuần từ HĐKD	181	65.6	6.26	-25.2	153
Lợi nhuận khác	0.01	-0.20	0.85	0.42	0.06
LN trước thuế	181	65.4	7.12	-24.7	153
Lợi nhuận sau thuế	178	52.3	6.09	-14.3	126
LNST của CĐ cty mẹ	178	52.3	6.09	-14.3	126

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	174	-49.4	6.78	19.7	343
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.7	95.1	5.92	38.2	-24.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-200	-64.1	0	0	0.09
Tiền đầu kỳ	12.8	25.5	7.02	19.7	77.6
Lưu chuyển tiền thuần	**12.7**	**-18.4**	**12.7**	**57.9**	**318**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.5	7.02	19.7	77.6	395

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic